



MŨI KHOAN KIM CƯƠNG MICROCOPY

Cắt đứt vô cùng dễ dàng và nhanh chóng

Công nghệ liên kết Triton tiên tiến mang kim cương dính chặt vào thân, tăng thêm 20% kim cương so với các hãng khác, tạo nên NeoDiamond siêu cứng, mang lại những đường cắt sắc nét.

Đến từ đất nước của thương hiệu Rolex và các dòng mũi khoan?

Phần thân XactFit được làm từ Thụy Sĩ, đồng trục tránh xoay lắc - Được tính toán và đo lường chuẩn xác.

Riêng biệt – Tiệt Trùng – An toàn

Mỗi mũi khoan Neo Diamond được đóng gói trong một bao riêng biệt, tiệt trùng, loại bỏ mối lo lây nhiễm chéo.



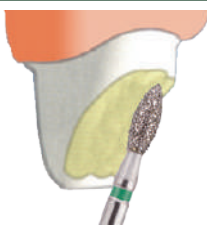
MŨI KHOAN KIM CỨNG MICROCOPY

ROUND (Tròn)	001-009	001-010	001-012	001-014	001-016	001-018	001-021	001-023	546-016
 Mở tủy, loại bỏ ngà sâu									
Độ mịn									
Đường kính đầu	0.9	1.0	1.2	1.4	1.6	1.8	2.1	2.3	1.6
Chiều dài đầu	0.9	1.0	1.2	1.4	1.6	1.8	2.1	2.3	8.0
Tổng chiều dài	19	19	19	19	19	19	19	29	22
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	440.000	550.000
Giá khi mua từ 20 hộp	250.000	275.000	275.000	250.000	275.000	250.000	260.000	320.000	275.000

ROUND with collar (Tròn cổ)	002-010	002-012	002-014	002-017	Round long (Tròn dài)	697-016	697-017	697-021
 Làm láng và tạo đường hoàn tất Kiểm soát độ sâu khoan								
Độ mịn								
Đường kính đầu	0.1	0.12	0.14	0.17		1.6	1.7	2.1
Chiều dài đầu	2.2	2.2	2.2	2.5		1.6	1.7	2.1
Tổng chiều dài	19	19	19	19		23	23	23
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	320.000	350.000	390.000	390.000		440.000	440.000	440.000
Giá khi mua từ 20 hộp	195.000	210.000	275.000	230.000		290.000	290.000	275.000

POINTED CONE (Nón nhọn)	164-012	165-012	165-014	166-010	166-012	166-016	167-012
 Cắt, tạo hình, mài chỉnh và loại bỏ vật liệu							
Độ mịn							
Đường kính đầu	1.2	1.2	1.4	1.0	1.2	1.6	1.2
Chiều dài đầu	6.0	8.0	8.0	10	10	10	11.5
Tổng chiều dài	21	22	22	24	24	24	24.5
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	320.000	390.000	390.000	320.000	390.000	390.000
Giá khi mua từ 20 hộp	250.000	195.000	230.000	275.000	195.000	275.000	230.000

Inverted Cone (Chóp ngược đơn)	010-009	010-010	010-012	010-014	010-016	010-017
 Chuẩn bị xoang trám, loại bỏ mô răng sâu và làm sạch vùng xoang						
Độ mịn						
Đường kính đầu	0.9	1.0	1.2	1.4	1.6	1.7
Chiều dài đầu	0.9	1.0	1.5	1.5	1.5	1.5
Tổng chiều dài	19	19	19	19	19	19
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	350.000	350.000	350.000	320.000	320.000	350.000
Giá khi mua từ 20 hộp	210.000	210.000	210.000	195.000	195.000	230.000

Bud (Hình nụ)	257-016	257-020	257-023	257-032	033-027
 Điều chỉnh mặt nhai, tạo hình và hoàn tất phục hình					
Độ mịn					
Đường kính đầu	1.6	2.0	2.3	3.2	2.7
Chiều dài đầu	3.2	4.6	5.0	4.8	7.0
Tổng chiều dài	19	20	20	19	21
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	320.000	440.000	550.000	550.000
Giá khi mua từ 20 hộp	275.000	195.000	290.000	320.000	350.000

Flat End Cylinder (Trụ đầu phẳng)	108-010	108-011	111-012	110-014	111-016	Beveled Cylinder (Trụ vát cạnh)	130-012	Round End Cylinder (Trụ đầu tròn)	141-012
 Chuẩn bị xoang trám, mài cùi răng chuẩn bị mão răng, Inlay/Onlay						 Chuẩn bị xoang trám, hoặc loại bỏ trám cũ		 Chuẩn bị xoang trám, mài cùi răng chuẩn bị mão răng, Inlay/Onlay	
Độ mịn									
Đường kính đầu	1.0	1.1	1.2	1.4	1.6		1.2		1.2
Chiều dài đầu	3.0	3.0	8.0	6.0	8.0		8.0		8.0
Tổng chiều dài	19	19	22	21	22		22		22
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	350.000	320.000	350.000	350.000	390.000		350.000		350.000
Giá khi mua từ 20 hộp	210.000	195.000	210.000	210.000	250.000		230.000		210.000

MŨI KHOAN KIM CỨNG MICROCOPY

Flat End Taper (1) (Trụ đầu phẳng)	171-014	172-010	172-012	172-014	172-015	172-016	173-012
 Chuẩn bị xoang sâu, tạo đường hoàn tất, và chuẩn bị Inlay/Onlay							
Độ mịn							
Đường kính đầu	1.4	1.0	1.2	1.4	1.5	1.6	1.2
Chiều dài đầu	6.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	10.0
Tổng chiều dài	21	22	22	22	19.5	22.5	24
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000
Giá khi mua từ 20 hộp	275.000	275.000	275.000	250.000	275.000	275.000	275.000

Flat End Taper (2) (Trụ đầu phẳng)	173-014	173-016	173-017	173-018	174-013	174-020
 Chuẩn bị xoang sâu, tạo đường hoàn tất, và chuẩn bị Inlay/Onlay						
Độ mịn						
Đường kính đầu	1.4	1.6	1.7	1.8	1.3	2.0
Chiều dài đầu	10.0	10.0	10.0	10.0	11.5	11.5
Tổng chiều dài	24	24	24	24	24.5	24.5
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	320.000
Giá khi mua từ 20 hộp	275.000	275.000	250.000	275.000	275.000	195.000

Flame (Ngọn lửa)	247-010	249-010	249-012	249-014	250-012	250-014	536-010	539-010	540-010
 Chuẩn bị xoang trám, làm sạch vùng xoang, chuẩn bị Inlay/Onlay									
Độ mịn									
Đường kính đầu	1.0	1.0	1.2	1.4	1.2	1.4	1.0	1.0	1.0
Chiều dài đầu	4.0	8.0	8.0	8.0	10	10	3.0	3.0	4.0
Tổng chiều dài	19	22	22	22	24	24	17	20	23
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	390.000	390.000	390.000	550.000	320.000	390.000	390.000	390.000
Giá khi mua từ 20 hộp	275.000	250.000	275.000	275.000	275.000	195.000	250.000	390.000	390.000

MŨI KHOAN KIM CỨNG MICROCOPY

Round End Taper (1) (Trụ đầu tròn)	197-012	197-014	197-018	197-023	197-025	198-010	198-012	198-014	198-016
 Loại bỏ trám cũ, chuẩn bị mão răng và mặt dán sứ									
Độ mịn									
Đường kính đầu	1.2	1.4	1.8	2.3	2.5	1.0	1.2	1.4	1.6
Chiều dài đầu	6.5	6.5	6.0	7.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0
Tổng chiều dài	21	21	16.5	21	21	22	22	22	22
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	390.000	390.000	390.000	550.000	550.000	390.000	390.000	390.000	390.000
Giá khi mua từ 20 hộp	250.000	275.000	275.000	320.000	320.000	275.000	260.000	275.000	275.000

Round End Taper (2) (Trụ đầu tròn)	198-019	198-021	198-025	199-012	199-014	199-016	199-017	199-018
 Loại bỏ trám cũ, chuẩn bị mão răng và mặt dán sứ								
Độ mịn								
Đường kính đầu	1.9	2.1	2.5	1.2	1.4	1.6	1.7	1.8
Chiều dài đầu	8.5	8.0	8.0	10	10	10	10	10
Tổng chiều dài	22	22	22	24	24	24	22	24
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	440.000	440.000	550.000	390.000	390.000	390.000	350.000	390.000
Giá khi mua từ 20 hộp	290.000	290.000	320.000	230.000	275.000	275.000	230.000	275.000

Depth Marker (Đánh dấu độ sâu)	552-016	552-021	Guide Pin (Trụ chốt dẫn hướng)	508-018	508-021	Gross Reduction	512-017
 Chuẩn bị xoang trám, mài cùi răng chuẩn bị mão răng, Inlay/Onlay			 Định hướng, kiểm soát độ sâu và tạo hình chính xác			 Loại bỏ mô răng nhẹ nhàng	
Độ mịn							
Đường kính đầu	T=0.03	T=0.05		1.8	2.1		1.7
Chiều dài đầu	4.5	4.7		8.0	8.0		7.0
Tổng chiều dài	20	20		23	23		22
Giá bán lẻ/ Hộp 10 mũi	860.000	860.000		860.000	860.000		350.000
Giá khi mua từ 20 hộp	550.000	550.000		550.000	550.000		230.000